

Số: .../2022/NĐ-CP

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2022

DỰ THẢO 3

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối ngày 13 tháng 12 năm 2005; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đối với hoạt

động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế

1. Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về:

1. Điều kiện đối với tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động đại lý đổi ngoại tệ (không bao gồm hoạt động đổi tiền của nước có chung biên giới).

2. Điều kiện đối với tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ bao gồm hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ và hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ.

3. Điều kiện đối với tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới; hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận đối với tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới.”

2. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động đại lý đổi ngoại tệ; tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới; tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ.

2. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ.”

3. Sửa đổi khoản 2, bổ sung khoản 4, khoản 5 Điều 3 như sau:

“2. Tổ chức tín dụng ủy quyền là tổ chức tín dụng được phép ủy quyền cho tổ chức kinh tế làm đại lý đổi ngoại tệ hoặc làm đại lý chi, trả ngoại tệ hoặc làm đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới. Đối với hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới, tổ chức tín dụng ủy quyền phải có trụ sở chính và/hoặc chi nhánh tại tỉnh biên giới trên địa bàn nơi tổ chức kinh tế đặt đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới.

4. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các tỉnh có chung biên giới với Trung Quốc, Lào, Campuchia.

5. Tiền của nước có chung biên giới là Nhân dân tệ Trung Quốc (CNY), Kíp Lào (LAK), Riel Campuchia (KHR). Tiền của nước nào chỉ được đổi tại khu vực biên giới đất liền hoặc khu kinh tế cửa khẩu tiếp giáp với nước đó.”

4. Bổ sung Điều 6a vào sau Điều 6 như sau:

“Điều 6a. Điều kiện đối với tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới

1. Tổ chức kinh tế chỉ được thực hiện hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới sau khi được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới cấp Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận). Điều kiện để tổ chức kinh tế được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới xem xét cấp Giấy chứng nhận:

a) Điều kiện về trụ sở chính, chi nhánh:

(i) Có trụ sở chính tại khu vực biên giới đất liền, khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn tỉnh biên giới; hoặc

(ii) Có trụ sở chính và chi nhánh tại khu vực biên giới đất liền, khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn một tỉnh biên giới; hoặc

(iii) Có trụ sở chính tại tỉnh biên giới và chi nhánh tại khu vực biên giới đất liền, khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn một tỉnh biên giới.

b) Điều kiện về địa điểm đặt đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới: Có địa điểm đặt đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới tại khu vực biên giới đất liền, khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn nơi tổ chức kinh tế có trụ sở chính hoặc chi nhánh.

c) Có quy trình nghiệp vụ đổi tiền của nước có chung biên giới, có biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn trong quá trình đổi tiền; có bảng thông báo tỷ giá công khai, bảng hiệu ghi tên tổ chức tín dụng ủy quyền và tên đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới tại nơi giao dịch.

d) Được tổ chức tín dụng ủy quyền ủy quyền làm đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới.

đ) Một tổ chức kinh tế chỉ được làm đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới cho một tổ chức tín dụng ủy quyền”.

2. Điều kiện để tổ chức kinh tế được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới xem xét gia hạn Giấy chứng nhận:

a) Đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Giấy chứng nhận đã được cấp còn hiệu lực tối thiểu 30 ngày tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn;

c) Không vi phạm chế độ báo cáo theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong tối thiểu 03 quý trong 01 năm từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận hoặc gia hạn Giấy chứng nhận gần nhất đến thời điểm xin gia hạn.”

5. Bổ sung Điều 6b vào sau Điều 6a như sau:

“Điều 6b. Nguyên tắc lập hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận

1. Đối với thành phần hồ sơ là bản sao, tổ chức kinh tế được lựa chọn nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức kinh tế đó về tính chính xác của bản sao so với bản chính. Trường hợp tổ chức kinh tế nộp hồ sơ là bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu hồ sơ phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

2. Các thành phần hồ sơ là đơn đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận, văn bản cam kết, báo cáo, hợp đồng đại lý đối tiền của nước có chung biên giới với tổ chức tín dụng ủy quyền phải do người đại diện hợp pháp của tổ chức kinh tế ký.”

6. Bổ sung Điều 6c vào sau Điều 6b như sau:

“Điều 6c. Các trường hợp cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận

1. Tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới nơi cấp Giấy chứng nhận trong các trường hợp sau:

a) Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng do thiên tai, hỏa hoạn hoặc do các nguyên nhân khách quan khác;

b) Tổ chức kinh tế sau khi tổ chức lại (chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp) theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hoàn thành thủ tục tổ chức lại, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới.

2. Tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới nơi cấp Giấy chứng nhận đối với các trường hợp thay đổi sau:

a) Thay đổi tên, địa chỉ của tổ chức kinh tế;

b) Thay đổi địa điểm đặt đại lý đối tiền của nước có chung biên giới;

c) Tăng số lượng đại lý đối tiền của nước có chung biên giới;

d) Tăng mức tồn quỹ tiền của nước có chung biên giới.

Đối với trường hợp quy định tại điểm a, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đề nghị điều chỉnh với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thay đổi.

3. Tổ chức kinh tế vẫn được thực hiện hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới trong thời gian làm thủ tục đề nghị cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận.

4. Trường hợp thay đổi tên của tổ chức tín dụng ủy quyền, giảm số lượng đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới tổ chức kinh tế thực hiện thông báo cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới nơi cấp Giấy chứng nhận trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thay đổi.”

7. Bổ sung Điều 6d vào sau Điều 6c như sau:

“Điều 6d. Hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Văn bản cam kết của tổ chức kinh tế kèm bản sao giấy tờ chứng minh (nếu có) về việc đặt đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới tại địa điểm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6a Nghị định này;

c) Báo cáo về việc tổ chức kinh tế trang bị đầy đủ bảng thông báo tỷ giá công khai, bảng hiệu ghi tên tổ chức tín dụng ủy quyền và tên đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới tại nơi giao dịch;

d) Quy trình nghiệp vụ đổi tiền của nước có chung biên giới bao gồm các nội dung chính sau: có biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn trong quá trình đổi tiền của nước có chung biên giới; việc ghi chép, xuất hóa đơn cho khách hàng, lưu giữ chứng từ, hóa đơn, sổ sách; chế độ hạch toán, kế toán; chế độ báo cáo; biện pháp xử lý khi phát hiện tiền giả, tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông;

đ) Bản sao hợp đồng đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới ký với tổ chức tín dụng ủy quyền, bao gồm những nội dung chính sau:

(i) Tên, địa chỉ đặt trụ sở chính, số điện thoại liên hệ của các bên ký kết hợp đồng;

(ii) Tên, địa chỉ các đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới;

(iii) Quy định đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới chỉ được mua tiền của nước có chung biên giới bằng tiền mặt (trừ các đại lý đặt ở khu vực chờ xuất cảnh tại các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính) và bán lại số tiền mặt mua được (ngoài số tiền mặt tồn quỹ được để lại) cho tổ chức tín dụng ủy quyền;

(iv) Quy định về nguyên tắc xác định tỷ giá mua, bán (quy định về xác định tỷ giá bán chỉ áp dụng cho đại lý đặt ở khu vực chờ xuất cảnh tại các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính) đối với khách hàng và tỷ giá bán lại tiền của nước

có chung biên giới bằng tiền mặt cho tổ chức tín dụng ủy quyền phù hợp với quy định về quản lý ngoại hối; quy định các loại phí hoa hồng đại lý (nếu có);

(v) Quyền lợi và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng, trong đó quy định rõ đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới phải thực hiện đúng quy trình nghiệp vụ đổi tiền của nước có chung biên giới; quy định định kỳ tổ chức tín dụng ủy quyền phải kiểm tra hoạt động của các đại lý để đảm bảo thực hiện đúng hợp đồng và quy định của pháp luật; quy định về xử lý vi phạm trong trường hợp đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới vi phạm hợp đồng và quy định pháp luật về hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới;

(vi) Thỏa thuận về mức tồn quỹ được để lại và thời hạn phải bán số tiền mặt của nước có chung biên giới mua được cho tổ chức tín dụng ủy quyền.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận, trong đó trình bày cụ thể lý do đề nghị cấp lại (theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Bản sao hợp đồng đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới ký với tổ chức tín dụng ủy quyền (đối với trường hợp tổ chức kinh tế sau khi tổ chức lại).

3. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận bao gồm:

a) Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận, trong đó trình bày cụ thể lý do đề nghị điều chỉnh (theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Các giấy tờ cần thiết có liên quan đến việc điều chỉnh quy định tại khoản 2 Điều 6c Nghị định này;

c) Báo cáo về việc tổ chức kinh tế trang bị đầy đủ bảng thông báo tỷ giá công khai, bảng hiệu ghi tên tổ chức tín dụng ủy quyền và tên đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới tại nơi giao dịch và văn bản cam kết của tổ chức kinh tế kèm bản sao giấy tờ chứng minh (nếu có) về việc đặt đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới tại địa điểm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6a Nghị định này (đối với trường hợp quy định tại điểm b, c Khoản 2 Điều 6c Nghị định này).

4. Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận bao gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận (theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Bản sao hợp đồng đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới ký với tổ chức tín dụng ủy quyền còn hiệu lực;

c) Văn bản cam kết không vi phạm chế độ báo cáo theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong tối thiểu 03 quý trong 01 năm từ thời điểm được

cấp Giấy chứng nhận hoặc gia hạn Giấy chứng nhận gần nhất đến thời điểm xin gia hạn.”

8. Bổ sung Điều 6đ vào sau Điều 6d như sau:

“Điều 6đ. Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận

1. Tổ chức kinh tế có nhu cầu cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận thì tổ chức kinh tế hoặc chi nhánh được ủy quyền của tổ chức kinh tế gửi 01 bộ hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới trên địa bàn nơi tổ chức kinh tế đặt đại lý đối tiền của nước có chung biên giới.

2. Trình tự, thủ tục chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới:

a) Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận:

(i) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới có văn bản yêu cầu tổ chức kinh tế bổ sung hồ sơ.

(ii) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới xem xét cấp Giấy chứng nhận (theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này), cho tổ chức kinh tế. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới có văn bản thông báo rõ lý do.

b) Trình tự, thủ tục cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận:

(i) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới có văn bản yêu cầu tổ chức kinh tế bổ sung hồ sơ.

(ii) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới xem xét cấp lại Giấy chứng nhận (theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này), Giấy chứng nhận điều chỉnh/gia hạn (theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) cho tổ chức kinh tế. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới có văn bản thông báo rõ lý do.

c) Giấy chứng nhận chỉ cấp cho tổ chức kinh tế, không cấp cho chi nhánh của tổ chức kinh tế.

3. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận gia hạn:

Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận gia hạn phù hợp với thời hạn hiệu lực của hợp đồng đại lý đối tiền của nước có chung biên giới đã

ký kết giữa tổ chức kinh tế và tổ chức tín dụng ủy quyền nhưng tối đa không quá 05 năm kể từ ngày cấp.”

9. Bổ sung Điều 6e vào sau Điều 6đ như sau:

“Điều 6e. Thu hồi Giấy chứng nhận

1. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận điều chỉnh/gia hạn trong các trường hợp sau:

- a) Tổ chức kinh tế không hoạt động sau 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận;
- b) Tổ chức kinh tế ngừng hoạt động hoặc không phát sinh doanh số đổi tiền của nước có chung biên giới trong 12 tháng liên tục;
- c) Tổ chức kinh tế có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới đề nghị chấm dứt hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới;
- d) Các trường hợp thu hồi theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

2. Trình tự, thủ tục thu hồi:

- a) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận điều chỉnh/gia hạn (theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).
- b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định thu hồi có hiệu lực, tổ chức kinh tế có trách nhiệm chấm dứt hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới và nộp lại bản gốc Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận điều chỉnh/gia hạn (nếu có) cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới nơi cấp Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận điều chỉnh/gia hạn.”

10. Bổ sung Điều 6g vào sau Điều 6e như sau:

“Điều 6g. Các trường hợp tự động hết hiệu lực

Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận điều chỉnh/gia hạn tự động hết hiệu lực trong các trường hợp sau:

- 1. Tổ chức tín dụng ủy quyền, tổ chức kinh tế bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật.
- 2. Tổ chức tín dụng ủy quyền, tổ chức kinh tế bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh hoặc các giấy tờ khác tương đương theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức tín dụng ủy quyền chấm dứt hợp đồng đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới với tổ chức kinh tế.”

11. Bổ sung Điều 6h vào sau Điều 6g như sau:

“Điều 6h. Quy định chuyển tiếp

1. Cá nhân đã được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới cấp Giấy phép thành lập bàn đổi ngoại tệ theo quy định tại Thông tư số 07/2001/TT-NHNN ngày 31/8/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý tiền của nước có chung biên giới tại khu vực biên giới và khu vực kinh tế cửa khẩu Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 140/2000/QĐ-TTg ngày 08/12/2000 của Thủ tướng Chính phủ được tiếp tục thực hiện hoạt động đổi ngoại tệ trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Sau thời hạn trên, Giấy phép thành lập bàn đổi ngoại tệ đã cấp cho bàn đổi ngoại tệ cá nhân tự động hết hiệu lực và cá nhân phải chấm dứt hoạt động đổi ngoại tệ. Cá nhân có nhu cầu tiếp tục thực hiện hoạt động đổi tiền của nước có chung biên giới phải thành lập tổ chức kinh tế để được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh biên giới xem xét cho phép thực hiện hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới.

2. Đối với hành vi vi phạm hành chính của bàn đổi ngoại tệ cá nhân xảy ra trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, việc xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng (gọi tắt là Nghị định số 88/2019/NĐ-CP).”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 3 như sau:

“a) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn đối với: giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi ngoại tệ, giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng; giấy phép thu, chi ngoại tệ và hoạt động ngoại hối khác đối với hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, hoạt động kinh doanh casino trong thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng; giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng trong thời hạn từ 06 tháng đến 09 tháng;”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm n khoản 4 Điều 3 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 Nghị định số 143/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11

năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng (gọi tắt là Nghị định số 143/2021/NĐ-CP)) như sau:

“n) Đề nghị hoặc yêu cầu cấp có thẩm quyền xem xét, áp dụng biện pháp: thu hồi giấy phép; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi ngoại tệ; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới; thu hồi giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài; thu hồi giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng; thu hồi văn bản chấp thuận hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng; thu hồi giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; đình chỉ hoặc miễn nhiệm chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát; không cho đảm nhiệm chức vụ quản trị, điều hành, kiểm soát tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với cá nhân vi phạm và/hoặc cá nhân chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm, yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cách chức và thực hiện các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật đối với cá nhân vi phạm thuộc thẩm quyền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3a như sau:

“1. Đối với biện pháp khắc phục hậu quả là đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, áp dụng biện pháp: thu hồi giấy phép; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi ngoại tệ; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới; thu hồi giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài; thu hồi giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng; thu hồi văn bản chấp thuận hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng; thu hồi giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả này.”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 23 như sau:

“d) Không thực hiện đúng quy định của pháp luật về việc đăng ký, thông báo với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố đối với các trường hợp thay đổi liên quan đến hoạt động đại lý đổi ngoại tệ; hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b khoản 4 Điều 23 như sau:

“a) Ký hợp đồng đại lý đổi ngoại tệ, hợp đồng đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới với tổ chức không đủ điều kiện làm đại lý đổi ngoại tệ, đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới; không hướng dẫn, kiểm tra đại lý đổi ngoại tệ, đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới theo quy định của pháp luật;

b) Không thực hiện đúng trách nhiệm của đại lý đổi ngoại tệ, đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới theo quy định của pháp luật; làm đại lý đổi ngoại tệ,

đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới đồng thời cho hai tổ chức tín dụng trở lên không đúng quy định của pháp luật;”

6. Sửa đổi, bổ sung điểm i khoản 5 Điều 23 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 13 Điều 1 Nghị định số 143/2021/NĐ-CP) như sau:

“i) Không thực hiện đúng trách nhiệm của đại lý đổi ngoại tệ, đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới theo quy định của pháp luật trong trường hợp tái phạm; làm đại lý đổi ngoại tệ, đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới đồng thời cho hai tổ chức tín dụng trở lên không đúng quy định của pháp luật trong trường hợp tái phạm.”

7. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 9 Điều 23 như sau:

“b) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi ngoại tệ, giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 Điều này;”

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 23 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 13 Điều 1 Nghị định số 143/2021/NĐ-CP) như sau:

“10. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Đề nghị cấp có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi ngoại tệ, giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới, giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm i khoản 5, điểm c khoản 6 Điều này.”

9. Bãi bỏ, thay thế một số quy định tại Nghị định số 88/2019/NĐ-CP và Nghị định số 143/2021/NĐ-CP như sau:

a) Bãi bỏ, thay thế một số quy định tại Nghị định số 88/2019/NĐ-CP:

(i) Bãi bỏ điểm o khoản 4, điểm d khoản 9 Điều 23;

(ii) Thay thế cụm từ “các điểm d, o khoản 4” bằng cụm từ “điểm d khoản 4” tại điểm c khoản 8 Điều 23;

(iii) Thay thế cụm từ “các điểm n, o khoản 4” bằng cụm từ “điểm n khoản 4” tại khoản 2 Điều 55 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 43 Điều 1 Nghị định số 143/2021/NĐ-CP);

(iv) Thay thế cụm từ “các điểm h, n, o khoản 4” bằng cụm từ “các điểm h, n khoản 4” tại khoản 5 Điều 55 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 43 Điều 1 Nghị định số 143/2021/NĐ-CP);

(v) Thay thế cụm từ “các điểm b, n, o khoản 4” bằng cụm từ “các điểm b, n khoản 4” tại khoản 6 Điều 55 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 43 Điều 1 Nghị định số 143/2021/NĐ-CP).

b) Bãi bỏ điểm b, d Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 143/2021/NĐ-CP.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm ...

2. Nghị định này bãi bỏ Điều 7 Quyết định số 140/2000/QĐ-TTg ngày 08/12/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tiền của nước có chung biên giới tại khu vực biên giới và khu kinh tế cửa khẩu Việt Nam.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm ban hành văn bản hướng dẫn về hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới.

2. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (3).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG